

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2026 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025;

Xét Công văn số 11/CVMT-VT ngày 24/6/2026 của Công ty TNHH Công nghiệp Vạn Thắng về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Cụm công nghiệp Vạn Thắng – Yên Thọ tại xã Nông Cống, xã Yên Thọ, tỉnh Thanh Hóa và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1012/TTr-SNNMT ngày 29/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Công nghiệp Vạn Thắng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án: Cụm công nghiệp Vạn Thắng - Yên Thọ, huyện Nông Cống và huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Nông Cống và xã Yên Thọ, tỉnh Thanh Hóa) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Cụm công nghiệp Vạn Thắng - Yên Thọ, huyện Nông Cống và huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Nông Cống và xã Yên Thọ, tỉnh Thanh Hóa).

1.2. Địa điểm hoạt động: Các xã: Nông Cống, Yên Thọ, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2803164030 do Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa cấp, đăng ký lần đầu ngày 07/5/2025.

1.4. Mã số thuế: 2803164030.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp.

Các ngành nghề thu hút đầu tư của cụm công nghiệp thực hiện theo các Quyết định của UBND tỉnh: Số 2161/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 về việc thành lập Cụm công nghiệp Vạn Thắng - Yên Thọ, huyện Nông Cống và huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa; số 1717/QĐ-UBND ngày 03/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 2161/QĐ-UBND ngày 22/6/2021, gồm: Sản xuất hàng chăn ga, thảm dệt, thời trang may mặc và giày da, nội thất, điện, điện tử, cơ khí, chế biến nông sản, hàng thủ công mỹ nghệ, thức ăn gia súc, gia cầm; công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may; ngành nghề sản xuất gốm sứ khác (Mã ngành 2393 - Chi tiết có sản xuất gốm sứ gia dụng, gốm sứ công nghiệp, gốm sứ cách điện ...) và sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (Mã ngành 2392 - chi tiết sản xuất thiết bị vệ sinh) và các ngành nghề khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Diện tích sử dụng: 438.178,64 m².

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

- Công nghệ sản xuất: Không có.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm các yêu cầu về bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Công nghiệp Vạn Thắng:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Công nghiệp Vạn Thắng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày 06/7/2026 đến ngày 06/7/2036).

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND các xã: Nông Cống, Yên Thọ tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án: Cụm công nghiệp Vạn Thắng - Yên Thọ, huyện Nông Cống và huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Nông Cống và xã Yên Thọ, tỉnh Thanh Hóa) theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND các xã: Nông Cống, Yên Thọ;
- Công ty TNHH Công nghiệp Vạn Thắng;
- Lưu: VT, NNMT_(NXH.74.02).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ THỰC HIỆN YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ nhà đầu tư thứ cấp trong cụm công nghiệp.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà điều hành của cụm công nghiệp.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ máy ép bùn của hệ thống xử lý nước thải.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh tiêu Dân Quân xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Vị trí xả thải

- Vị trí: Tại xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.
- Tọa độ điểm xả (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105° , múi chiếu 3°): X=2170375,70 (m); Y= 563100,56 (m).
- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 1.205 m³/ngày.đêm.

2.4. Phương thức xả thải: Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn cho phép chảy vào mương quan trắc nước thải tự động (*sensor lấy mẫu quan trắc của trạm quan trắc nước thải tự động được lắp tại mương quan trắc nước thải*), nước sau khi qua mương quan trắc sẽ được chảy ra nguồn tiếp nhận.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận: Chất lượng nước thải sau xử lý trước khi thải ra môi trường bảo đảm đáp ứng được yêu cầu bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2025/BTNMT (cột A); cụ thể như sau:

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ / ng.đ	-	-	Thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục
2	Nhiệt độ	°C	≤ 40		
3	pH	-	6 - 9		
4	COD	mg/l	≤ 65		
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	≤ 40		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤ 5,0		
7	Màu	Pt/Co	≤ 50	Tần suất 03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục
8	BOD5 (20°C)	mg/l	≤ 40		
9	Asen	mg/l	≤ 0,05		
10	Thủy ngân	mg/l	≤ 0,001		
11	Chì	mg/l	≤ 0,1		
12	Cadimi	mg/l	≤ 0,02		
13	Crom (VI)	mg/l	≤ 0,1		
14	Tổng Crom	mg/l	≤ 0,5		
15	Đồng	mg/l	≤ 1,0		
16	Kẽm	mg/l	≤ 1,0		
17	Niken	mg/l	≤ 0,1		
18	Mangan	mg/l	≤ 2,0		
19	Sắt	mg/l	≤ 2,0		
20	Xianua	mg/l	≤ 0,2		
21	Tổng Phenol	mg/l	≤ 1,0		
22	Dầu mỡ khoáng	mg/l	≤ 1,0		
23	Sunfua	mg/l	≤ 0,2		
24	Florua	mg/l	≤ 3,0		
25	Tổng nitơ	mg/l	≤ 20		
26	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	≤ 4,0		
27	Clorua	mg/l	≤ 500		
28	Clo dư	mg/l	≤ 1,0		
29	Tổng PCB	mg/l	≤ 0,003		
30	Coliform	MPN hoặc CFU/100 mL	≤ 3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Toàn bộ nước thải sinh hoạt và sản xuất phát sinh từ các nhà máy, cơ sở và nhà điều hành của cụm công nghiệp được thu gom theo các tuyến như sau:

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà đầu tư thứ cấp → Đường ống D300 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp có công suất 1.205 m³/ngày.đêm.

- Nước thải sinh hoạt từ khu nhà điều hành: Toàn bộ nước thải → Bể tự hoại 3 ngăn → Đường ống D250 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp có công suất 1.205 m³/ngày.đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Bể tự hoại 03 ngăn

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → ngăn chứa (vi sinh vật phân hủy chất thải thành bùn) → Ngăn lắng 1 (lên men kỵ khí) → Ngăn lắng 2 (lắng làm sạch, loại bỏ chất rắn lơ lửng) → Hồ ga gom nước thải chung của cụm công nghiệp.

- Số lượng bể: 04 bể tại khu nhà điều hành có thể tích 30 m³ và 45m³.

- Kết cấu bể: Toàn bộ các bể xử lý nước thải được xây dựng ngầm, kết cấu bằng BTCT, có chống thấm.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Chế phẩm sinh học được bổ sung vào bể tự hoại định kỳ 03 tháng/lần.

- Đối với bùn cặn phát sinh từ bể tự hoại: Hợp đồng với đơn vị có chức năng; định kỳ thu gom, xử lý với tần suất 02 năm/lần.

1.2.2. Trạm xử lý nước thải tập trung

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Hồ thu → Bể điều hòa → Bể trung hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng 1 → Bể thiếu khí (1, 2, 3) → Bể hiếu khí (1, 2, 3) → Bể lắng sinh học → Bể kiểm chứng → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Xả ra môi trường.

- Toạ độ vị trí xả nước thải: X = 2170375,70 (m); Y = 563100,56 (m).

- Thiết bị: Hệ thống bồn chứa, pha hóa chất, hệ thống các loại máy bơm, máy thổi khí, đồng hồ và các thiết bị, động cơ khác.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch Axit H₂SO₄ 30%, NaOH 99%, PAC 31%, Polymer A, Polymer C, Chlorine, và Ethanol (hoặc các hóa chất

tương đương), đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.6 phần A Phụ lục này.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

- Dự án đầu tư thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục để theo dõi, giám sát chất lượng nước thải sau xử lý theo quy định tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Điều 28 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

- Chủ đầu tư đã lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, cụ thể:

+ Số lượng: 01 trạm.

+ Vị trí lắp đặt sensor lấy mẫu: Tại mương quan trắc tự động dẫn nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận.

+ Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.

+ Thiết bị lấy mẫu tự động.

+ Camera theo dõi.

+ Kết nối, truyền dữ liệu: Truyền dữ liệu tự động, liên tục về Sở Nông nghiệp và Môi trường. Hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải được gắn Camera theo dõi, được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo đúng quy định về khoa học, công nghệ, tiêu chuẩn đo lường và chất lượng.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: Gồm 01 (một) hồ sự cố có dung tích 2.280 m³, đảm bảo lưu chứa toàn bộ nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố trong thời gian tối đa 45 tiếng.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thực hiện dừng việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận và thực hiện các biện pháp xử lý sự cố.

- Vận hành thử nghiệm trạm xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các thông số ô nhiễm trong nước thải, đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép mới được xả thải ra môi trường.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành trạm xử lý nước thải tập trung và ghi chép vào sổ giám sát hàng ngày.

- Định kỳ thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của các trạm xử lý nước thải tập trung, hệ thống thu gom và xả nước thải sau xử lý.

- Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường:

+ Hệ thống xử lý nước thải cụm công nghiệp chỉ tiếp nhận nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động của nhà đầu tư thứ cấp là Công

ty TNHH Gốm sứ Etrillion; do đó, khi có sự cố, nước thải chảy về bể gom, sau đó bơm về hồ sự cố để lưu giữ. Trong thời gian lưu giữ nước thải tại hồ sự cố, đơn vị vận hành tiến hành kiểm tra, phát hiện và cải thiện hiệu quả vận hành của trạm xử lý nước thải. Sau khi khắc phục, bơm nước thải về bể thu gom để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra nguồn nước tiếp nhận. Trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng phải kịp thời báo cáo UBND các xã: Nông Công, Yên Thọ và Sở Nông nghiệp và Môi trường để được hướng dẫn khắc phục sự cố.

- Trường hợp trạm xử lý nước thải tập trung gặp sự cố:

+ Trường hợp xác định nguyên nhân do các thiết bị của trạm gặp sự cố: Chứa nước thải vào bể thu gom, nếu nước thải vượt quá dung tích bể thì bơm về hồ sự cố để lưu giữ với thời gian tối đa là 45 tiếng. Đơn vị vận hành tiến hành kiểm tra các bộ phận của máy móc thiết bị và tiến hành thay thế kịp thời bằng thiết bị dự phòng hiện có của cụm công nghiệp. Sau khi khắc phục, bơm nước thải về bể thu gom để tiếp tục xử lý.

+ Trường hợp sự cố do quá trình xử lý hóa lý: Bơm nước thải về hồ sự cố để lưu giữ trong trường hợp xử lý mất nhiều thời gian. Đơn vị vận hành tiến hành kiểm tra nồng độ pH, điều chỉnh hóa chất thích hợp, điều chỉnh tốc độ khuấy trộn và tăng cường quá trình keo tụ. Sau khi khắc phục, bơm nước thải về bể thu gom để tiếp tục xử lý.

+ Trường hợp sự cố do quá trình xử lý sinh học: Bơm nước thải về hồ sự cố để lưu giữ trong trường hợp xử lý mất nhiều thời gian. Đơn vị vận hành tăng cường sục khí cung cấp oxy, bổ sung dinh dưỡng, tuần hoàn bùn mới và tốc độ rút bùn dư. Sau khi khắc phục, nước thải được bơm về bể thu gom để tiếp tục xử lý.

- Trường hợp tắc, vỡ đường ống thu gom nước thải từ các nhà đầu tư thứ cấp, thực hiện bơm chuyển tải về hố thu kế tiếp đảm bảo nước thải được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Vận hành đúng quy trình kỹ thuật hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyên giao kỹ thuật vận hành trạm xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

- Đối với nước thải sau xử lý ra kênh tiêu Dân Quân phía Nam dự án; trong trường hợp nước thải sau xử lý có các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn cho phép, chủ đầu tư hạ tầng chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật.

1.5. Tiêu chuẩn tiếp nhận đầu nối nước thải

Hệ thống xử lý nước thải cụm công nghiệp chỉ tiếp nhận nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động của nhà đầu tư thứ cấp là Công ty TNHH Gốm sứ Etrillion; do đó, Công ty TNHH Gốm sứ Etrillion phải thực hiện xử lý sơ bộ nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của cụm công nghiệp, phải đáp ứng giá trị giới hạn thông số đầu vào của hệ thống

xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp theo QCVN 40:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột C); cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung/nước thải sau xử lý đối với các nhà đầu tư thứ cấp
1	Nhiệt độ	°C	≤ 40
2	pH	-	6 - 9
3	COD	mg/l	≤ 130
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	≤ 120
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤ 12
6	Màu	Pt/Co	≤ 150
7	BOD ₅ (20°C)	mg/l	≤ 80
8	Asen	mg/l	≤ 0,25
9	Thủy ngân	mg/l	≤ 0,005
10	Chì	mg/l	≤ 0,5
11	Cadimi	mg/l	≤ 0,1
12	Crom (VI)	mg/l	≤ 0,5
13	Tổng Crom	mg/l	≤ 2,0
14	Đồng	mg/l	≤ 3,0
15	Kẽm	mg/l	≤ 5,0
16	Niken	mg/l	≤ 3,0
17	Mangan	mg/l	≤ 10
18	Sắt	mg/l	≤ 10
19	Xianua	mg/l	≤ 1,0
20	Tổng Phenol	mg/l	≤ 0,5
21	Dầu mỡ khoáng	mg/l	≤ 5,0
22	Sunfua	mg/l	≤ 1,0
23	Florua	mg/l	≤ 15
24	Tổng nitơ	mg/l	≤ 60
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	≤ 10
26	Clorua	mg/l	≤ 1.000
27	Clo dư	mg/l	≤ 2,0
28	Tổng PCB	mg/l	≤ 0,003
29	Coliform	MPN hoặc CFU/100 mL	≤ 5.000

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng sau khi có nước thải phát sinh xả ra môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 1.205 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

02 vị trí; cụ thể như sau:

- Vị trí số 01: Tại bể gom nước thải đầu vào.
- Vị trí số 02: Tại mương quan trắc nước thải đầu ra.

2.2.2. *Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm*: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) và khoản 1 Điều 14 Thông tư 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, vận hành trạm xử lý nước thải tập trung phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư theo đúng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2 phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; có quy trình kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước thải đầu ra của nhà đầu tư thứ cấp trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, trạm xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp.

3.3. Lắp đặt đầy đủ biển báo, ký hiệu chỉ dẫn đối với điểm xả thải nước thải ra môi trường.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành trạm xử lý nước thải tập trung. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH Công nghiệp Vạn Thắng có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3, khoản 4 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ). Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi tại điểm e khoản 3 Điều 36 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ).

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành trạm xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng nước thải đầu vào, đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; lượng và loại hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành được lưu giữ tối đa 02 năm.

3.6. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của cụm công nghiệp theo quy định hiện hành của pháp luật.

3.7. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm định, hiệu chuẩn định kỳ theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn đo lường, chất lượng; dữ liệu quan trắc tự động phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 và Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

3.8. Công ty TNHH Công nghiệp Vạn Thắng chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo theo yêu cầu tại Giấy phép môi trường này./.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Cụm công nghiệp Vạn Thắng - Yên Thọ chỉ tiếp nhận 01 nhà đầu tư thứ cấp là Công ty TNHH Gốm sứ Etrillion. Yêu cầu Công ty TNHH Gốm sứ Etrillion thực hiện đầy đủ các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất nhằm bảo đảm khí thải đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả ra môi trường theo Giấy phép môi trường đã được UBND tỉnh Thanh Hóa cấp cho Công ty TNHH Gốm sứ Etrillion; bên cạnh đó:

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các hệ thống xử lý bụi, khí thải nhằm bảo đảm khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn môi trường hiện hành trước khi xả ra môi trường.

- Thực hiện kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý khí thải, quạt hút, tháp hấp thụ, lọc bụi túi vải và các thiết bị liên quan nhằm bảo đảm hiệu quả xử lý ổn định.

- Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ theo quy định của pháp luật và nội dung Giấy phép môi trường đã được cấp.

2. Cụm công nghiệp đảm bảo diện tích cây xanh trong toàn cụm công nghiệp tối thiểu 10% theo thiết kế chi tiết mặt bằng cụm công nghiệp; trong đó bao gồm khu cây xanh trong khu vực nhà máy của Công ty TNHH Gốm sứ Etrillion và vành đai cây xanh dọc đường ngoài cụm công nghiệp nhằm hạn chế ô nhiễm do khí thải giao thông vận tải.

3. Chủ đầu tư cụm công nghiệp đầu tư xe phun nước dùng để tưới đường giao thông trong phạm vi cụm công nghiệp.

4. Thực hiện nghiêm túc chế độ vận hành, định lượng chính xác nguyên vật liệu, chấp hành đúng quy trình công nghệ nhằm bảo đảm an toàn sản xuất, giảm thiểu chất thải và ô nhiễm tại các nhà máy, xí nghiệp trong cụm công nghiệp.

5. Để giảm thiểu tác động do mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung cụm công nghiệp; chủ đầu tư thực hiện các biện pháp sau:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế của hệ thống xử lý nước thải tập trung, các yêu cầu vận hành và giám sát hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Trồng cây xanh có tán cách ly xung quanh hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Bê tông hoá các tuyến đường giao thông khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung; thường xuyên vệ sinh các tuyến đường và lắp đặt hệ thống tưới nước tự động cho các con đường trong nội bộ khu xử lý nước thải./.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: Khu vực đặt máy thổi khí của trạm xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 2: Khu vực đặt máy nén của trạm xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 3: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng của trạm xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 4: Khu vực để máy bơm.

2. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, như sau:

2.1. Tiếng ồn

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép, dBA		
	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)
1	70	65	60

2.2. Độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép, dB	
	Ngày (06h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)
1	75	70

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Đối với thiết bị có công suất lớn, lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn; bố trí khoảng cách các thiết bị gây ồn hợp lý.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án theo đúng quy hoạch nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số _____ /GP-UBND ngày _____ tháng _____ năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chứng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Cartridge mực, mực in thải (hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại)	08 02 04	30
2	Bóng đèn huỳnh quang hỏng thải	16 01 06	20
3	Các linh kiện, thiết bị điện tử thải	16 01 13	20
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	30
5	Hóa chất thải	13 01 02	15
6	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp có chứa thành phần nguy hại (trạm xử lý nước thải công nghiệp)	12 06 05	624.000
Tổng khối lượng			624.115

1.2. Khối lượng, chứng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/ngày)	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	0,012	3,74
2	Chất thải rắn từ chăm sóc cây xanh	-	2,5
3	Bùn từ hoạt động nạo vét rãnh thoát nước mưa, hồ ga	-	80

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Đối với chủ đầu tư

a) Thiết bị lưu chứa: 05 thùng chứa dung tích 120 lít/thùng, có nắp đậy, bằng vật liệu bền, dán mã từng loại chất thải.

b) Khu vực lưu chứa trong nhà

- 01 ngăn chứa CTNH có diện tích 9,0 m² (trong kho chứa chất thải chung 15,5 m²) tại khu vực hạ tầng kỹ thuật (cạnh trạm xử lý nước thải).

- Thiết kế, cấu tạo: Kết cấu kho chứa là dạng kho kín, nền bê tông chống thấm, có gờ cao để ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Có biển cảnh báo theo quy định và trang bị các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường). Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

2.1.2. Đối với nhà đầu tư thứ cấp: Tùy theo từng ngành nghề và tình hình phát sinh các loại CTNH và khối lượng khác nhau, nhà đầu tư thứ cấp bố trí, xây dựng thiết bị lưu chứa và kho chứa CTNH theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Đối với chủ đầu tư

- Thùng rác thải loại 120 lít được bố trí trong khuôn viên thuộc phạm vi quản lý của chủ đầu tư.

- Ngăn chứa rác sinh hoạt và chất thải rắn thông thường có diện tích 6,5 m² trong tổng diện tích kho 15,5 m² cùng với kho chứa CTNH được chia 02 ngăn.

- Kho có tường bao, lợp mái, nền lát xi măng, chống thấm, có gờ chống tràn và có biển cảnh báo kho chứa.

2.2.2. Đối với nhà đầu tư thứ cấp

- Tùy theo từng ngành nghề phát sinh các loại chất thải rắn và khối lượng khác nhau; nhà đầu tư thứ cấp bố trí, xây dựng thiết bị, kho chứa chất thải theo đúng quy định.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn thông thường phù hợp với khối lượng, phân loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2026 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam 6707:2009 – Chất thải nguy hại – Dấu hiệu cảnh báo.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

4. Có trách nhiệm ban hành và thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 thì phải bảo đảm có

đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Truyền dữ liệu tự động, liên tục về Sở Nông nghiệp và Môi trường. Hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải được gắn camera theo dõi, được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo đúng quy định về khoa học, công nghệ, tiêu chuẩn đo lường và chất lượng.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2026 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Thực hiện công tác bảo vệ môi trường đầu tư xây dựng và quản lý, vận hành công trình hạ tầng và công trình bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, trách nhiệm về đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định tại Điều

48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được bổ sung bởi Điều 19 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ).

3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

5. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 (được sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh tại khoản 16 Điều 1 và điểm a khoản 36 Điều 1 Luật Sửa đổi 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025).

6. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của cụm công nghiệp theo quy định hiện hành của pháp luật.

7. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

8. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

9. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.